

Số 199/QĐ-ĐS

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường
của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam”**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 của Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thống nhất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

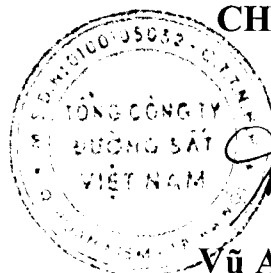
Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Đảng ủy, Công Đoàn, ĐTN TCTĐSVN;
 - Ban Tổng giám đốc TCTĐSVN;
 - Lưu: VT, QTCN.
- } PO8

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Vũ Anh Minh

QUY ĐỊNH

Về quản lý và bảo vệ môi trường của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-ĐS ngày 08. tháng 02. năm 2018
của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về công tác quản lý và bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Sau đây gọi tắt Tổng công ty ĐSVN).

2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của Tổng công ty ĐSVN, bao gồm:

- a) Các Chi nhánh Khai thác đường sắt;
- b) Các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy;
- c) Văn phòng và các Ban chuyên môn của Tổng công ty ĐSVN;
- d) Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty con;
- đ) Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Môi trường* là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

2. *Hoạt động bảo vệ môi trường đường sắt* là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường trong phạm vi đường sắt; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm môi trường, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

3. *Ô nhiễm môi trường đường sắt* là sự biến đổi của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật trong phạm vi hoạt động của giao thông đường sắt.

4. *Chất thải trong hoạt động đường sắt* là các chất dạng rắn, lỏng và khí được thải bỏ trong quá trình xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa công trình đường sắt, vận hành khai thác phương tiện giao thông đường sắt và từ hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt thuộc phạm vi hoạt động đường sắt.

5. *Chất thải nguy hại* là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

6. *Đơn vị trực thuộc Tổng công ty* bao gồm các Chi nhánh khai thác đường sắt, chi nhánh Xí nghiệp đầu máy, đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

7. *Chủ dự án (Chủ đầu tư)* là Tổng công ty ĐSVN hoặc Cơ quan, tổ chức được Tổng công ty ĐSVN giao quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Các từ ngữ khác trong Quy định này được giải thích trong Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đường sắt, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG SẮT

MỤC 1. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

Điều 3. Đánh giá môi trường chiến lược (sau đây gọi tắt là ĐMC).

1. Tổng công ty ĐSVN khi được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có thể tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện. Đơn vị được Tổng công ty ĐSVN giao lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch (sau đây gọi tắt là đơn vị lập CQK) phải thực hiện ĐMC theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP), đồng thời với quá trình xây dựng hoặc điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

2. Hình thức, cấu trúc, nội dung ĐMC được quy định tại Phụ lục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

3. Ban HTQT & KHCN có trách nhiệm phối hợp với đơn vị lập CQK thực hiện ĐMC theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

4. Ban HTQT & KHCN chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện và định kỳ báo cáo Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN và tham mưu cho Tổng giám đốc để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền việc thực hiện bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

1. Đối với dự án đầu tư phát triển (trong danh mục quy định tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015) sử dụng vốn ngoài Ngân sách nhà nước, Chủ dự án (Chủ đầu tư) do Hội đồng thành viên quyết định phải thực hiện các nội dung như sau:

a) Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi tắt là báo cáo ĐTM), kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là KHBVMT) trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

b) Lập kế hoạch quản lý môi trường, thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trên cơ sở các đề xuất trong báo cáo ĐTM, KHBVMT được cơ quan quản lý môi trường phê duyệt.

c) Báo cáo ĐTM được lập dưới 02 hình thức là tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện nhưng phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại điều 13 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Tương tự đối với trường hợp lập KHBVMT, có thể thực hiện theo 02 hình thức kể trên nhưng không quy định điều kiện của tổ chức thực hiện.

d) Chi phí lập báo cáo ĐTM, KHBVMT thuộc nguồn vốn đầu tư dự án.

đ) Hình thức, cấu trúc, nội dung báo cáo ĐTM, KHBVMT được quy định tại Phụ lục của Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

e) Chủ dự án có trách nhiệm gửi lại 01 quyết định hoặc bản sao chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc KHBVMT của cơ quan quản lý môi trường về Ban HTQT & KHCN.

f) Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 18/2015/NĐ-CP, đăng ký lại KHBVMT theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

2. Đối với dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn Ngân sách nhà nước mà Tổng công ty ĐSVN là chủ dự án (chủ đầu tư), đơn vị được Tổng công ty giao nhiệm vụ quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Thực hiện các điểm a, b, c, d, đ, f khoản 1 Điều này.

b) Ban HTQT & KHCN phối hợp cùng Ban quản lý dự án tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ban HTQT & KHCN chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu trong Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của các cấp có thẩm quyền.

MỤC 2. GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 5. Bảo vệ môi trường đối với chủ dự án.

1. Chủ dự án phải đưa các cam kết bảo vệ môi trường, yêu cầu thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo ĐTM, KHBVMT của dự án vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng với các nhà thầu thi công.

2. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng và phải thực hiện các công việc sau:

a) Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý môi trường của dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.10 và 2.11 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM để niêm yết công khai trước khi tiến hành các hoạt động thi công xây dựng tại theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

b) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến tới cán bộ, công nhân viên của nhà thầu các nội dung của kế hoạch quản lý môi trường và các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo ĐTM, KHBVMT của dự án đối với gói thầu mà nhà thầu thực hiện.

c) Tổ chức giám sát, đôn đốc nhà thầu thực thi các biện pháp quản lý, thu gom, xử lý chất thải, các biện pháp giảm bụi, ồn, rung và các biện pháp ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn giao thông trong thi công xây dựng.

d) Định kỳ tổ chức quan trắc môi trường và tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo về việc tuân thủ các nội dung bảo vệ môi trường của dự án theo tiến độ thi công xây dựng gửi cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM.

đ) Trường hợp xảy ra sự cố môi trường phải dừng hoạt động thi công, thực hiện biện pháp khắc phục và báo cáo ngay về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban HTQT & KHCN) và Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án.

e) Báo cáo giải trình cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM trong trường hợp dự án có thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo ĐTM và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM.

f) Thông báo bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục 2.12 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT đến cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM, các tổ chức nơi tiến hành tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành ít nhất là 10 ngày làm việc trước khi vận hành thử nghiệm.

g) Lưu trữ hồ sơ bảo vệ môi trường của dự án; hợp tác, cung cấp thông tin liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong kiểm tra, thanh tra.

h) Xử lý vi phạm của nhà thầu thi công xây dựng về công tác bảo vệ môi trường trong gói thầu theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết.

Điều 6. Bảo vệ môi trường đối với Nhà thầu thi công xây dựng.

Chủ dự án phải đưa các cam kết bảo vệ môi trường, yêu cầu thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo ĐTM, KHBVMT của dự án vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng với các nhà thầu thi công, cũng như đôn đốc, kiểm tra, giám sát nhà thầu thi công thực hiện các trách nhiệm sau:

1. Nhà thầu thi công xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường và đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hồ sơ lựa chọn nhà thầu.

2. Trong thi công xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các công việc cơ bản sau:

a) Tuân thủ thực hiện theo kế hoạch quản lý môi trường của chủ dự án từ giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo ĐTM, KHBVMT được cơ quan quản lý môi trường phê duyệt hoặc thực hiện như đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong biện pháp thi công được duyệt.

b) Thường xuyên giám sát, đôn đốc cán bộ, công nhân viên tuân thủ thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với gói thầu trong quá trình thi công xây dựng; nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động.

c) Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý hoặc đổ chất thải thi công rắn (như: bùn, đất, cát, sỏi nạo vét, phế liệu, phế thải xây dựng .v.v.) đúng vị trí, phương pháp và khối lượng đã được xác định trong kế hoạch quản lý môi trường trong báo cáo ĐTM, KHBVMT được cơ quan quản lý môi trường phê duyệt hoặc thực hiện như đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong biện pháp thi công được duyệt.

d) Thu gom, lưu giữ rác thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương để vận chuyển, xử lý hoặc tự thực hiện xử lý theo biện pháp đã được chấp thuận trong báo cáo ĐTM, KHBVMT của dự án hoặc thực hiện như đề

xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong biện pháp thi công được duyệt.

đ) Thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý.

e) Bố trí nhà vệ sinh, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải, công trình xử lý nước thải tạm thời trên công trường thi công, văn phòng điều hành công trường và khu vực lán trại công nhân.

f) Thực hiện các biện pháp giảm bụi, ồn, rung, các biện pháp thoát nước, chống ngập cục bộ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công.

g) Khai thác khoáng sản để làm vật liệu xây dựng, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo đúng quy định pháp luật về khoáng sản và tài nguyên nước; tổ chức quản lý vật liệu nổ công nghiệp và nổ mìn thi công theo đúng quy định pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

h) Quản lý, bảo dưỡng, duy trì trạng thái kỹ thuật của phương tiện vận tải, phương tiện, thiết bị, máy thi công xây dựng theo đúng quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; tuân thủ quy định về tải trọng phương tiện; che chắn, ngăn ngừa rò rỉ, rơi vãi gây ô nhiễm môi trường trong vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải trong suốt quá trình thi công.

i) Hoàn nguyên môi trường, thu dọn vệ sinh công trường, thanh thải lòng sông, kênh thực hiện trước khi bàn giao hoàn trả mặt bằng.

k) Hợp tác, cung cấp thông tin liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong kiểm tra, thanh tra.

3. Khuyến khích nhà thầu thi công xây dựng:

a) Thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

b) Áp dụng những giải pháp khai thác và sử dụng nguyên vật liệu xây dựng một cách hợp lý, hiệu quả, cân bằng môi trường sinh thái.

c) Tái sử dụng, tái chế chất thải để sử dụng cho mục đích có ích; tận dụng phế liệu, phế thải xây dựng kết hợp với kết quả nghiên cứu khoa học hoặc công nghệ mới để tạo thành những sản phẩm có ích, phù hợp quy chuẩn và bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

d) Trích lập quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Luật Bảo vệ môi trường.

MỤC 3. GIAI ĐOẠN ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO KHAI THÁC SỬ DỤNG

Điều 7. Báo cáo hoàn thành công tác bảo vệ môi trường

1. Các dự án có công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành, chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

2. Chủ dự án của các đối tượng quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP phải lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ trong giai đoạn vận hành theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT gửi cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

3. Ban HTQT & KHCN có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Ban liên quan tổ chức hướng dẫn chủ dự án trong việc kiểm tra công trình bảo vệ môi trường, biện pháp bảo vệ môi trường.

4. Chủ dự án có trách nhiệm gửi lại 01 bản sao chứng thực giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường về Ban HTQT & KHCN.

Điều 8. Đề án bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Đề án BVMT)

Việc lập, thẩm định và phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP và Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây gọi tắt là Thông tư 26/2015/TT-BTNMT).

Chương III

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHAI THÁC VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP

Điều 9. Tổ chức, bộ phận chuyên môn bảo vệ môi trường tại các đơn vị.

Các đơn vị trực thuộc và người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty con có trách nhiệm chỉ đạo, phân công lãnh đạo phụ trách và bộ phận bán chuyên trách thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định 81/2007/NĐ-CP ngày 23/03/2007 về việc “Quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước”.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm.

Hàng năm, các đơn vị trực thuộc và người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty con phải chỉ đạo tổ chức xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường (biểu mẫu tại phụ lục 4 kèm theo Quy định này) và được coi là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị, gửi về Tổng công ty ĐSVN trước ngày 01 tháng 01 của năm thực hiện kế hoạch. Kế hoạch bảo vệ môi trường phải được phổ biến rộng rãi nhằm tăng cường nhận thức cho tất cả cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp và tổng hợp kết quả thực hiện

hàng năm báo cáo về Tổng công ty ĐSVN trước ngày 01 tháng 01 của năm thực hiện kế hoạch.

Điều 11. Công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị.

Các đơn vị trực thuộc và người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty con có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện các công việc như sau:

1. Nâng cao nhận thức, từng bước xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh, cập nhật và phổ biến quy định pháp luật về bảo vệ môi trường cho người sử dụng lao động, người lao động.

2. Chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị xây dựng quy trình quản lý chất thải và vệ sinh công nghiệp trên cơ sở các hướng dẫn của Tổng công ty ĐSVN.

3. Quản lý và xử lý chất thải: chất thải sinh hoạt, chất thải và các yếu tố gây ô nhiễm khác từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được kiểm soát và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

4. Thực hiện công tác giám sát môi trường định kỳ theo quy định pháp luật; Tần suất thực hiện như trong báo cáo ĐTM, đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản hay KHBVMT. Gửi kèm báo cáo giám sát về Ban HTQT & KHCN sau mỗi lần thực hiện.

5. Thực hiện ghi chép và lưu giữ thông tin hiện trạng hoạt động của các thiết bị, hệ thống xử lý chất thải.

6. Quản lý chất thải nguy hại phải tuân thủ theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

7. Chủ động lập kế hoạch, phương án, chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật để ứng phó sự cố môi trường, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường.

8. Cập nhật, lưu trữ các báo cáo, chứng từ liên quan đến môi trường; các báo cáo, chứng từ môi trường phải được lưu giữ tối thiểu 05 năm gần nhất.

9. Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình di dời hoặc ngừng sản xuất, tháo dỡ thiết bị, nhà xưởng; phục hồi môi trường sau khi di dời hoặc ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh.

10. Khuyến khích các đơn vị thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001, sản xuất và tiêu dùng các loại sản phẩm, hàng hóa thân thiện môi trường, tái chế từ chất thải, sản phẩm, bao gói dễ phân hủy trong tự nhiên, sản phẩm được cấp nhãn sinh thái và sản phẩm khác thân thiện với môi trường.

Điều 12. Bảo vệ môi trường trên các đoàn tàu khách.

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty CP Vận tải đường sắt phối hợp Hội đồng quản trị công ty để chỉ đạo xây dựng quy chế quản lý và tổ chức thực hiện đảm bảo:

1. Xử lý chất thải sinh hoạt.

Đảm bảo trên tất cả các toa xe khách trong các đoàn tàu có các buồng vệ sinh tự hoại đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường do Bộ GTVT quy định.

2. Thu gom, xử lý rác thải và xử lý mùi tàu.

Thực hiện nghiêm chỉnh theo quy trình đảm bảo vệ sinh toa xe khách tại Văn bản số 1351/ĐS-KHCN đã ban hành ngày 30/5/2014 của Tổng công ty ĐSVN và các quy trình vệ sinh công nghiệp khác mà doanh nghiệp đã có. Cơ bản phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Trên các toa xe trong đoàn tàu khách phải được trang bị các thùng đựng rác có túi đựng rác chuyên dùng đặt tại các vị trí thích hợp trong toa xe để tập kết rác thải trên tàu. Vị trí đặt các thùng rác phải đảm bảo thuận lợi cho hành khách sử dụng và không ảnh hưởng đến tác nghiệp và mỹ quan cũng như các tác nghiệp của tổ công tác trên tàu.

b) Trang bị đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ thu gom rác thải cho cán bộ, công nhân viên trên đoàn tàu trên suốt hành trình.

c) Các đơn vị xây dựng lịch trình thu gom rác thải sinh hoạt của hành khách theo từng đoàn tàu và quy định các địa điểm xả rác tại các ga trên hành trình. Xây dựng và đưa các tiêu chí đánh giá vệ sinh môi trường trong quy trình kiểm tra đoàn tàu.

d) Trưởng tàu khách có trách nhiệm giám sát, đôn đốc các nhân viên trên tàu đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định về thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt của hành khách đi tàu.

đ) Nghiêm cấm nhân viên đi tàu xả rác bừa bãi trên các khu gian, nhà ga không đúng theo quy định. Trong trường hợp bất khả kháng bắt buộc phải xả rác tại các khu gian, nhà ga không đúng theo quy định phải tổ chức tập kết rác thải gọn gàng, thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển rác thải. Việc vận chuyển cần nhanh chóng để không gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực tập kết tạm thời.

e) Việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là chất độc hại, chất lây nhiễm phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

f) Nghiêm cấm vận chuyển hàng hóa là đồ tươi sống dễ hư hỏng (các loại thịt, rau, củ, hoa ...), đồ có đặc tính gây mùi khó chịu (các loại mắm, sầu riêng ...) khi chưa được đóng gói cẩn thận, có bao bì đảm bảo chắc chắn không gây ảnh hưởng đến hành khách, hành lý, hàng hóa khác. Hành khách ký gửi phải chịu trách nhiệm khắc phục, vệ sinh khi hàng hóa bị rò rỉ. Trưởng tàu chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện khắc phục này.

g) Thực hiện nghiêm túc quy trình xử lý mùi tàu đã ban hành, đảm bảo thực hiện tại ga xuất phát, ga quay đầu và suốt hành trình dọc đường (sau khi hết giờ ăn trên tàu).

3. Vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.

a) Trên các đoàn tàu khách phải đảm bảo công tác vệ sinh môi trường và các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, thiết bị lưu trữ thực phẩm khi phục vụ hành khách theo quy định của pháp luật.

b) Các toa tàu phải được thường xuyên lau chùi vệ sinh sạch sẽ khi đoàn tàu đến các ga đón tiễn hành khách và trước giờ sinh hoạt định kỳ hàng ngày của hành khách trên tàu, nhân viên trên tàu phải thường xuyên nhắc nhở hành khách giữ gìn vệ sinh chung và thu dọn, tập kết rác thải tại đúng nơi quy định trên đoàn tàu. Kết hợp các hình thức tuyên truyền, phát thanh trên tàu để tăng ý thức giữ gìn vệ sinh của hành khách.

c) Trưởng tàu chịu trách nhiệm phân công nhân viên công tác trên tàu tập kết rác thải sinh hoạt của hành khách về đúng nơi quy định đảm bảo mỹ quan và vệ sinh đoàn tàu, cũng như phối hợp với tổ, đội vệ sinh nhà ga trong việc tập kết rác thải tại nhà ga.

d) Các đơn vị kinh doanh vận tải, khai thác đường sắt, và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm phối hợp trong việc đảm bảo vệ sinh môi trường các ga đường sắt.

Điều 13. Bảo vệ môi trường đối với các đoàn tàu hàng.

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty CP Vận tải đường sắt phối hợp Hội đồng quản trị công ty để chỉ đạo xây dựng quy chế quản lý và tổ chức thực hiện đảm bảo:

1. Trong quá trình vận chuyển phải có biện pháp phòng ngừa hàng hóa rơi vãi ra môi trường xung quanh. Nghiêm cấm sử dụng các phương tiện vận chuyển hàng hóa không đủ tiêu chuẩn gây ô nhiễm môi trường.

2. Trong công tác xếp, dỡ hàng hóa: Phải có biện pháp kiểm soát, xử lý và giảm thiểu ô nhiễm môi trường khi tiến hành bốc xếp, dỡ hàng hóa. Khi hoàn thành quá trình xếp dỡ hàng hóa phải nhanh chóng vệ sinh môi trường trả lại mặt bằng cho nhà ga, tránh để ứ đọng gây ảnh hưởng tới môi trường và chất lượng dịch vụ vận tải.

3. Trong trường hợp vận chuyển, xếp dỡ và lưu kho hàng hóa phát hiện hàng hóa, vật phẩm có dấu hiệu vi phạm gây ô nhiễm môi trường cần phải nhanh chóng lập biên bản và báo cáo với cơ quan quản lý môi trường để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp khẩn cấp phải vận chuyển, tiêu hủy hàng hóa gây ô nhiễm môi trường cần được sự đồng ý của cơ quan quản lý môi trường. Đối tượng gây ô nhiễm phải chịu mọi chi phí xử lý, tiêu hủy cùng các hình thức xử phạt hành chính khác liên quan.

4. Nghiêm cấm vận chuyển các loại hàng hóa thuộc danh mục cấm, hàng hóa gây ảnh hưởng đến việc bảo tồn và đa dạng sinh học.

5. Chỉ được vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trong danh mục nêu tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi được cơ quan quản lý nhà nước cấp giấy phép.

6. Đơn vị kinh doanh vận tải đường sắt chịu trách nhiệm khi vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng đường sắt.

7. Các đơn vị kinh doanh vận tải đường sắt, khai thác đường sắt, và đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc đảm bảo vệ sinh môi trường các ga đường sắt phụ trách.

Điều 14. Bảo vệ môi trường trong khu vực ga.

1. Trên cơ sở quy định này, Chi nhánh khai thác đường sắt chỉ đạo các ga xây dựng quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường chi tiết khu vực ga.

2. Tại các ga hành khách và hàng hóa:

a) Trong phòng đợi tàu, trên các ke hành khách của các ga hành khách phải có các thùng đựng rác. Các thùng đựng rác phải để vị trí thích hợp thuận lợi và an toàn cho hành khách khi sử dụng, thuận tiện cho việc di chuyển về nơi tập kết, đảm bảo mỹ quan và không ảnh hưởng đến tác nghiệp của nhà ga. Tùy theo vị trí khu vực phát sinh lượng rác để bố trí số lượng thùng chứa rác tạm thời hợp lý nhưng trên mỗi ke ga tối thiểu đảm bảo khoảng cách 30-50m/thùng rác.

b) Trường hợp bố trí khu đất là nơi tập kết rác, khu đất phải có hàng rào bao quanh, được phân chia để thu gom riêng từng loại rác, hạn chế gây ô nhiễm ra môi trường xung quanh. Thời gian lưu giữ chất thải tối đa 02 ngày.

c) Tùy vào tính chất và mức độ của nhà ga để tổ chức thành lập đội, tổ vệ sinh thường trực thu dọn, tập kết và xử lý rác thải của hành khách và rác thải trên tàu xả xuống ga theo quy định của ngành. Thường xuyên thu dọn, vệ sinh đảm bảo cảnh quan và môi trường nhà ga.

d) Hợp đồng dịch vụ chuyên chở và xử lý rác thải phải ký với các đơn vị có đúng chức năng theo quy định của pháp luật.

đ) Bố trí các biển báo, áp phích tuyên truyền tại những vị trí thuận tiện, dễ nhìn trong nhà ga, sân ga và đường ke đón tiễn. Tăng cường công tác phát thanh tuyên truyền, nhắc nhở hành khách trong việc bảo vệ môi trường đường sắt.

e) Nước thải được thu gom xử lý và đảm bảo quy chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

f) Các bãi hàng rời khi xếp dỡ có khả năng gây bụi và phát tán hơi khí độc hại không được bố trí gần các ke khách. Trường hợp bất khả kháng cho phép được bố trí gần nhưng khi tổ chức xếp dỡ phải áp dụng các biện pháp như che đậy, phun nước để giảm tối đa bụi, hơi khí độc.

Điều 15. Bảo vệ môi trường đối với các đơn vị hoạt động công nghiệp.

Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy, người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty cổ phần sản xuất, đóng mới, sửa chữa đầu máy toa xe chỉ đạo tổ chức đảm bảo:

1. Việc thu gom, phân định, phân loại, lưu giữ chất thải rắn tại nguồn thực hiện theo quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP 24/4/2015 về việc quản lý chất thải và phế liệu (sau đây gọi tắt là Nghị định 38/2015/NĐ-CP). Không để lẫn chất thải rắn công nghiệp thông thường với chất thải nguy hại nằm trong danh mục chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt Thông tư 36/2015/TT-BTNMT).

2. Thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn thông thường:

a) Việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn do các đơn vị có chức năng thực hiện thông qua hợp đồng dịch vụ. Thời gian lưu giữ chất thải rắn thông thường không được quá 02 ngày, thiết bị hay bao bì lưu chứa phải phù hợp. Việc phân loại chất thải rắn tại nguồn đảm bảo 03 nhóm chính:

- Nhóm rác thải sinh hoạt có nguồn gốc hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn thừa, lá cây, rau củ quả, xác động vật).

- Nhóm rác thải công nghiệp có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh).

- Nhóm rác thải nguy hại.

b) Định kỳ báo cáo tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ lên Tổng công ty ĐSVN.

3. Thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH):

a) Các đơn vị có phát sinh hay hoạt động liên quan đến chất thải nguy hại có trách nhiệm đăng ký “Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại” với cơ quan nhà nước theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP. Các đơn vị không phải đăng ký khi phát sinh CTNH có thời gian hoạt động không quá 01 năm hoặc phát sinh định kỳ nhưng không quá 600 kg/năm, trừ trường hợp CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP).

b) Các đơn vị có thể đại diện đăng ký chung cho các cơ sở phát sinh CTNH trực thuộc mình trong phạm vi một tỉnh.

c) CTNH phải được chủ nguồn thải phân loại bắt đầu từ khi đưa vào khu vực lưu trữ CTNH hoặc khi chuyển giao CTNH đi xử lý bên ngoài đơn vị mà không đưa vào khu vực lưu trữ. Việc chuyển giao và xử lý CTNH phải được thực hiện bởi các tổ chức có năng lực phù hợp và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xử lý CTNH, giấy phép xử CTNH. Đơn vị có quyền tái sử dụng CTNH trong phạm vi khu vực phát sinh nhưng phải đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn CTNH.

d) Nếu CTNH được đưa vào tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng tại các đơn vị thì dựa vào công nghệ kỹ thuật hiện có, đơn vị là chủ nguồn CTNH có thể phân loại hoặc không phân loại CTNH.

e) Có khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại; khu vực phải có hàng rào bao quanh, được phân chia để thu gom riêng từng loại, không gây ô nhiễm ra môi trường xung quanh. Lưu trữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu trữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.

f) Các đơn vị định kỳ hàng năm lập báo cáo quản lý CTNH theo Phụ lục 4 của Thông tư 36/2015/TT-BTNMT với Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo và gửi 01 bản về Tổng công ty ĐSVN qua Ban HTQT&KHCN. Ngoài ra phải thực hiện báo cáo đột xuất nếu có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

g) Các đơn vị phải báo cáo cơ quan cấp phép về các thay đổi đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật, người đại diện theo pháp luật và các đối tượng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Nghị định 38/2015/NĐ-CP hoặc các chương trình, kế hoạch trong hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép xử lý CTNH so với trước khi cấp phép.

h) Đối với các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ tài liệu liên quan phải được lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm.

4. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải.

a) Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty ĐSVN phải có trách nhiệm xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo QCVN 40: 2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và đăng ký giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

b) Đối với các đơn vị có sử dụng và khai nước dưới đất và nước mặt phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh lớn cần phải đăng ký giấy phép khai thác và sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác và sử dụng nước mặt theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Các đơn vị phải đảm bảo thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo đúng quy định hiện hành.

5. Khí thải, tiếng ồn và độ rung:

Các đơn vị trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh phải có trách nhiệm, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn quốc gia: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT – Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; Những nội dung cam kết trong ĐTM, CKBVMT, đề án BVMT, KHBVMT đã được phê duyệt.

Chương IV

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ, SỬA CHỮA KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT VÀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 16. Bảo vệ môi trường trong công tác quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt ngoài việc chỉ đạo xây dựng quy chế và chỉ đạo thực hiện tuân thủ quy định tại Điều 6 Chương II, Chương III và Chương IV của Quy định này, phải đảm bảo:

1. Tuân thủ đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường không khí, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn và các văn bản quy định khác có liên quan từ khâu khảo sát. Cập nhật, đánh giá tình trạng kỹ thuật, bảo trì, sửa chữa công trình.

2. Đối với các công trình cải tạo, nâng cấp mở rộng công suất, chủ dự án phải lập và thực hiện báo cáo ĐTM, KHBVMT căn cứ theo tính chất, quy mô công trình quy định tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường quy định tại Chương II.

3. Lập kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm và được coi là một phần của kế hoạch quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt của đơn vị.

Điều 17. Chất thải sinh hoạt do người dân xả rác dọc tuyến đường sắt.

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty cổ phần đường sắt trong phạm vi quản lý có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương làm rõ trách nhiệm, chỉ đạo xử lý và giải tỏa những điểm tập kết rác thải vi phạm hành lang an toàn đường sắt, ảnh hưởng tới chất lượng công trình đường sắt và môi trường xung quanh dọc tuyến đường sắt.

Điều 18. Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đường sắt.

Các đơn vị thuộc khối quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân dọc các tuyến đường sắt, từng bước nâng cao ý thức bảo vệ cảnh quan môi trường hai bên nơi đường sắt đi qua.

Điều 19. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty khai thác đá, khoáng sản chỉ đạo tổ chức thực hiện, đảm bảo:

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình phát sinh nước thải, chất thải rắn, phát tán bụi và khí độc hại gây tác động xấu đến hệ sinh thái và sức khỏe con người.
2. Đơn vị có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chương trình giám sát chất lượng môi trường định kỳ tối đa 6 tháng/lần hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường địa phương.
3. Phải có kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và tiến hành cải tạo, khôi phục lại cảnh quan, hoàn nguyên môi trường ở khu vực khai thác đúng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.
4. Đảm bảo các đơn vị khai thác khoáng sản ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương V CÔNG TÁC BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG

Điều 20. Chế độ báo cáo.

1. Báo cáo môi trường được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần. Các đơn vị trực thuộc, người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các công ty có trách nhiệm gửi báo cáo hàng năm về Tổng công ty ĐSVN trước ngày 31 tháng 12 hàng năm để tổng hợp và báo cáo các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật. Báo cáo được gửi bằng văn bản và thư điện tử.
2. Trong trường hợp đột xuất, khi có yêu cầu Tổng công ty ĐSVN đề nghị các đơn vị và Người đại diện phần vốn báo cáo hoặc cung cấp thông tin bằng bản Fax hoặc qua thư điện tử. Đơn vị trực thuộc có trách nhiệm cung cấp thông tin và trả lời trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc tính từ ngày nhận được công văn yêu cầu Tổng công ty ĐSVN.
3. Đơn vị và Bộ phận phụ trách môi trường có trách nhiệm lưu giữ các báo cáo thường niên trong thời hạn 5 năm.

Điều 21. Báo cáo và nội dung báo cáo.

1. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và đột xuất của các đơn vị không được coi là thông tin bí mật và phải được công khai khi có yêu cầu. Đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trong báo cáo.
2. Nội dung báo cáo công tác môi trường hàng năm:
 - a) Quy mô, tính chất tác động của các nguồn phát thải.

b) Tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; kết quả thanh tra, kiểm tra trong năm vừa qua.

c) Tình hình xử lý ô nhiễm và giảm thiểu tác động tới môi trường.

d) Kinh phí thực hiện.

e) Đánh giá công tác quản lý và hoạt động bảo vệ môi trường.

f) Đề xuất phương hướng và giải pháp.

3. Báo cáo môi trường đột xuất căn cứ theo yêu cầu và biểu mẫu của cơ quan quản lý môi trường (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường) để thực hiện hoặc Tổng công ty ĐSVN sẽ giản lược hóa các nội dung quan trọng để yêu cầu các đơn vị cung cấp.

Điều 22. Báo cáo môi trường hàng năm.

1. Hàng năm, Tổng công ty ĐSVN xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường đường sắt theo các chuyên đề quản lý môi trường.

2. Định kỳ 5 năm một lần, Tổng công ty ĐSVN xây dựng báo cáo tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu môi trường và phát triển bền vững lĩnh vực Đường sắt. Báo cáo sẽ được gửi đến các cơ quan chức năng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

3. Ban HTQT & KCHN chủ trì, tham mưu xây dựng báo cáo môi trường định kỳ theo quy định.

Chương VI TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị.

1. Thành lập bộ phận bán chuyên trách là Ban chỉ đạo BVMT tại đơn vị nhằm đảm bảo tính thống nhất điều hành trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Thành phần Ban chỉ đạo BVMT đơn vị có thể bao gồm Trưởng ban chỉ đạo BVMT là Lãnh đạo đơn vị, thường trực là Trưởng phòng kỹ thuật nghiệp vụ và các thành viên có liên quan.

2. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên ngành đường sắt trong đơn vị của mình.

3. Thông báo, cập nhật các thông tin liên quan tới công tác bảo vệ môi trường về Tổng công ty ĐSVN qua Ban HTQT & KCHN.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các nội dung của quy định này.

5. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và xử lý các vấn đề môi trường phát sinh trong phạm vi quản lý của mình.

6. Xây dựng báo cáo môi trường hàng năm theo mẫu tại phụ lục của quy định này.

7. Chủ động xây dựng quy trình bảo vệ môi trường áp dụng đối với các tổ chức/cá nhân thuộc quyền quản lý của mình trên cơ sở của quy định này.

8. Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, báo cáo về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và của quy định này.

9. Phối hợp với cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương xử lý các vấn đề môi trường phát sinh do hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị gây ra.

10. Phòng ngừa, hạn chế các tác động tiêu cực đối với môi trường từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.

Điều 24. Trách nhiệm của Ban Hợp tác quốc tế & Khoa học công nghệ.

Ban HTQT&KHCN chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN về các vấn đề quản lý môi trường trong Tổng công ty ĐSVN, với một số công việc cụ thể như sau:

1. Hướng dẫn các đơn vị trong Tổng công ty ĐSVN thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, các chính sách, Thông tư, Quyết định, Chỉ thị của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp thuộc lĩnh vực Đường sắt. Phối hợp với các cơ quan quản lý chức năng soạn thảo các văn bản về vấn đề môi trường có liên quan.

2. Phối hợp xây dựng các văn bản, quy phạm, tiêu chuẩn cơ sở, quy định bảo vệ môi trường, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, dự án, đề án bảo vệ môi trường ngành Đường sắt.

3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực Đường sắt. Hướng dẫn công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục sự cố môi trường, phục hồi môi trường do quá trình sản xuất kinh doanh gây ra và tác động từ xã hội ảnh hưởng tới đường sắt. Xúc tiến ứng dụng, tư vấn và chuyển giao công nghệ bảo vệ môi trường.

4. Đầu mối, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định này và các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Đầu mối tham mưu, tổ chức, hướng dẫn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án theo quy định của pháp luật. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường.

6. Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện quan trắc môi trường. Thống kê, xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường trong phạm vi đường sắt; Báo cáo hiện trạng môi trường ngành đường sắt theo quy định của pháp luật.

7. Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm đề xuất lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN phê duyệt các hình thức khen thưởng tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường;

8. Đầu mối xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình/đề án/dự án bảo vệ môi trường được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Phối hợp với các đơn vị liên quan, các tổ chức nước ngoài phát triển các chương trình, đề án, dự án hợp tác nước ngoài trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đường sắt; chủ trì triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực đường sắt.

10. Đầu mối giúp các đơn vị tiếp cận các nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn tài trợ nước ngoài hỗ trợ việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đường sắt.

Chương VII

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Thanh tra, kiểm tra

1. Hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước.

a) Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty ĐSVN chịu sự thanh tra, giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong các hoạt động của mình theo quy định của pháp luật. Hoạt động thanh tra, kiểm tra có thể theo kế hoạch hoặc đột xuất.

b) Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm phối hợp, phổ biến kế hoạch thanh tra, kiểm tra đến các đơn vị và là đầu mối tổng hợp các báo cáo từ đơn vị.

c) Đơn vị có trách nhiệm báo cáo lên Tổng công ty ĐSVN để khiếu nại với thủ trưởng cơ quan ra quyết định thanh tra, kiểm tra về kết luận và biện pháp xử lý của đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.

2. Hoạt động kiểm tra nội bộ

a) Hoạt động kiểm tra nội bộ trong Tổng công ty ĐSVN về bảo vệ môi trường phải tuân thủ pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của đơn vị.

b) Mục đích của hoạt động kiểm tra nội bộ giúp các đơn vị và dự án công trình do Tổng công ty ĐSVN làm chủ đầu tư hoặc giao làm chủ đầu tư tăng cường ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường và chấp hành theo quy định pháp luật. Giúp đơn vị lên được kế hoạch giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường,

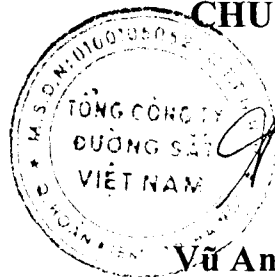
Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm thi hành.

1. Ban HTQT & KHCN có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này trong Tổng công ty ĐSVN theo thẩm quyền.
2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.
3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban HTQT & KHCN) để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thành viên xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Vũ Anh Minh

ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên năng lượng.

c) Hoạt động kiểm tra thực hiện dưới hình thức kiểm tra qua báo cáo, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất.

d) Kiểm tra thông qua hình thức tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN.

e) Kiểm tra theo chương trình, kế hoạch phải được tiến hành theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN.

f) Ban HTQT&KHCN báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN tổ chức kiểm tra đột xuất khi phát hiện đơn vị có dấu hiệu không tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

g) Mẫu biên bản kiểm tra nội bộ và biên bản kiểm tra sự tuân thủ bảo vệ môi trường công trình xây dựng ban hành kèm theo quy định này.

3. Ban lãnh đạo là người đứng đầu đơn vị hoặc người được ủy quyền, cán bộ phụ trách môi trường của đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra nội bộ.

4. Khi nhận được kết quả thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và biện pháp xử lý của cơ quan quản lý môi trường, các đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nội dung thanh tra, kiểm tra theo quy định.

Điều 26. Khen thưởng.

Hàng năm, Tổng công ty ĐSVN tổ chức đánh giá, tổng kết công tác bảo vệ môi trường, biểu dương, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động bảo vệ môi trường đường sắt.

Điều 27. Xử lý vi phạm.

1. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực đường sắt gây ô nhiễm, suy thoái và gây sự cố môi trường phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu mọi phí tổn khắc phục tác động xấu đến môi trường theo đúng quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 155/2016/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/02/2017 về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3. Khuyến khích các đơn vị xây dựng quy chế, nội quy bảo vệ môi trường nội bộ nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm đối với mỗi cán bộ, công nhân viên như: chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bắt buộc khắc phục ô nhiễm gây ra, xử lý kỷ luật lao động, hình thức xử phạt bổ sung theo quy định pháp luật hiện hành.

Biểu mẫu 01: Biên bản đoàn kiểm tra (Đối với trường hợp kiểm tra theo kế hoạch)

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
ĐOÀN KIỂM TRA
Theo Quyết định số
ngày.... thángnăm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày tháng năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện Quyết định số/QĐ-ĐS ngày thángnăm của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc

Hôm nay, vào lúcgiờ.... ngày thángnăm, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra tại :(đơn vị được kiểm tra);

Địa chỉ:.....;

I. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm:

1. Ông/bà:.....Chức vụ.....;
2. Ông/bà:.....Chức vụ.....;

II. Đại diện đơn vị gồm:

1. Ông/bà:.....Chức vụ.....;
2. Ông/bà:.....Chức vụ.....;

III. Nội dung kiểm tra:

IV. Kết quả kiểm tra:

1. Tình hình hoạt động và thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

2. Tình hình quản lý và xử lý chất thải.

- a) Nước thải:
- b) Chất thải rắn thông thường:
- c) Chất thải nguy hại:
- d) Khí thải và tiếng ồn:

3. Các khuyến cáo về vi phạm lĩnh vực bảo vệ môi trường

V. Ý kiến của đơn vị:

Đơn vị được kiểm tra
(Ký tên và đóng dấu)

TM. Đoàn kiểm tra
Trưởng đoàn
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 02: Biên bản đoàn kiểm tra sự tuân thủ BVMT công trình xây dựng

(Tên chủ dự án)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm

**BIÊN BẢN KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG/SỬA CHỮA/CẢI TẠO ĐƯỜNG SẮT**

I. Thông tin chung:

1. Dự án:
2. Gói thầu:
3. Hạng mục công việc:
4. Nhà thầu thi công:
5. Tư vấn giám sát:

II. Hoạt động thi công:

1. Hạng mục công việc:
2. Thiết bị thi công:
3. Số lượng công nhân:

III. Đánh giá sự tuân thủ bảo vệ môi trường:

Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nội dung của kế hoạch quản lý môi trường và các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo ĐTM/KHBVMT của dự án.

Nội dung	Đánh giá		
	Tốt	Trung bình	Kém
1. Quản lý chất thải			
+ Nhà vệ sinh tại công trường:			
+ Số lượng thùng rác:			
+ Lưu giữ chất thải thi công:			
+ Lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:			
+ Lưu giữ vật liệu:			
2. Kiểm soát nước thải			

+ Hệ thống thoát nước công trường:			
+ Hệ thống hồ thu nước:			
+ Các nội dung khác:			
3. Giảm thiểu các tác động do bụi, tiếng ồn và độ rung:			
+ Phun nước giảm bụi:			
+ Thu gom chất thải rơi vãi trên công trường và đường tiếp cận:			
+ Các nội dung khác:			
4. Hệ thống biển báo, hàng rào, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy:			
+ Hệ thống biển báo, hàng rào:			
+ Thiết bị phòng cháy chữa cháy:			
+ Dụng cụ bảo hộ lao động:			
+ Các nội dung khác:			
5. Tác động tới khu vực nhạy cảm xung quanh công trường và dọc các đường tiếp cận:			
+ Kế hoạch thi công của nhà thầu:			
+ Các tác động đến khu vực nhạy cảm xung quanh công trường:			
6. Khu vực đổ thải:			
+ Vị trí đổ thải:			
+ Hiện trạng khu vực đổ thải:			
+ Tác động tới môi trường xung quanh khu vực đổ thải:			

IV. Kết luận:

TM. Đoàn kiểm tra
Trưởng đoàn
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nhà thầu thi công
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

Tư vấn giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

Biểu mẫu 03: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm.

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
Tên đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày tháng năm

**BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM**

I. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

1.1. Công tác BVMT đã thực hiện.

- a) Công tác chung (*Tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức, phổ biến pháp luật, báo cáo chi tiết kết quả thanh tra, kiểm tra kèm theo biên bản*)
- b) Nước thải.
- c) Chất thải rắn thông thường.
- d) Chất thải nguy hại.
- e) Khí thải và tiếng ồn.
- f) Các nhiệm vụ khác.
- g) Tổng kinh phí đã thực hiện.

1.2. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra (*lượng hóa bằng % giá trị thực hiện*)

II. Nhận xét và đề xuất giải pháp:

Người lập báo cáo
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục kèm theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TCT ĐSVN**

Báo cáo môi trường năm

I. Thông tin chung:

1.1. Thông tin về đơn vị

- Tên đơn vị:
- Tên Thủ trưởng đơn vị:
- Trụ sở chính:
- Tên cán bộ phụ trách môi trường Tuổi Nam/nữ:
- Vị trí công tác:
- Điện thoại: Email:

1.2. Sản phẩm chính

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú: - (2): Liệt kê các loại sản phẩm của đơn vị

1.3. Nguyên liệu sử dụng

1.3.1. Nguyên liệu chính

TT	Loại nguyên liệu	Đơn vị	Lượng sử dụng/năm
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú: - (2): Liệt kê các loại sản phẩm của đơn vị (bao gồm cả hóa chất sử dụng)

1.3.2. Nhiên liệu tiêu thụ.

TT	Than		Dầu		Gas	
	Lượng sử dụng (Tấn/năm)	Mục đích sử dụng	Lượng sử dụng (Tấn/năm)	Mục đích sử dụng	Lượng sử dụng (m ³ /năm)	Mục đích sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

1.3.3. Lượng điện, nước tiêu thụ.

TT	Nước mặt		Nước ngầm		Điện	
	Lượng sử dụng (m ³ /năm)	Mục đích sử dụng	Lượng sử dụng (m ³ /năm)	Mục đích sử dụng	Lượng sử dụng (kWh/năm)	Mục đích sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú:

- Ghi rõ lượng nước sử dụng trong công tác vệ sinh toa xe (m^3 /tháng)?
- Ghi rõ lượng nước sử dụng trong công tác giặt ủi chăn ga, gối đệm ...(m^3 /tháng)

II. Thông tin về chất thải.

2.1. Xây dựng kế hoạch/phương án BVMT hàng năm

- ☐ Có ☐ Không.

Chi phí công tác bảo vệ hàng năm :.....VNĐ.

2.2. Tổ chức đào tạo, tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị.

- ☐ Có ☐ Không.

2.3. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường

- ☐ Có ☐ Không.

Giá trị (nếu có) :.....VNĐ.

2.4. Quản lý chất thải rắn thông thường

- ☐ Có đầy đủ thiết bị thu gom. ☐ Có phân loại chất thải.
☐ Có hệ thống xử lý. ☐ Thuê đơn vị xử lý được cấp giấy phép.
☐ Khác:.....
Tần suất thu gom/tháng: :.....

2.5. Quản lý chất thải nguy hại

- ☐ Có đầy đủ thiết bị thu gom. ☐ Có phân loại chất thải nguy hại.
☐ Có hệ thống xử lý. ☐ Thuê đơn vị xử lý được cấp giấy phép.
☐ Có sổ đăng ký chủ nguồn CTNH.
☐ Lập báo cáo quản lý CTNH theo quy định định kỳ 06 tháng/lần.
☐ Khác

2.6. Quản lý nước thải.

- ☐ Có giấy phép sử dụng nước ngầm ☐ Có giấy phép sử dụng nước mặt.
☐ Có giấy phép xả thải (Gửi kèm nếu có)
☐ Có Hệ thống xử lý nước thải (nếu có) Công suất xử lý: m^3 /ngày đêm
☐ Khác.....

2.7. Quản lý tiếng ồn, khí thải.

- ☐ Có hệ thống xử lý khí thải, bụi ☐ Đạt Quy chuẩn và tiêu chuẩn Việt nam
☐ Có Biện pháp giảm tiếng ồn, khí thải. ☐ Khác.....
Các biện pháp giảm thiểu đang sử dụng:

2.8. Báo cáo giám sát môi trường định kỳ gửi cơ quan quản lý môi trường.

- ☐ Lập hàng năm ☐ Lập 06 tháng/lần
☐ Lập 03 tháng/lần

(Gửi kèm báo cáo giám sát môi trường)

2.9. Biện pháp tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả

- ☐ Tiết kiệm điện, nước ☐ Tiết kiệm nhiên liệu.
☐ Năng lượng sạch.

3.1. Tổng lượng chất thải (bao gồm cả chất thải phát sinh trên tàu)

TT	Nước thải CN (m ³ /năm)	Nước thải SH (m ³ /năm)	Nước tuần hoàn (m ³ /năm)	Khí thải (m ³ /năm)	Chất thải rắn thông thường (Tấn/năm)		Chất thải rắn nguy hại (Tấn/năm)
					Chất thải rắn công nghiệp	Chất thải rắn sinh hoạt	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

3.2. Tình hình xử lý nước thải (bao gồm cả nước thải phát sinh trên tàu)

TT	Hệ thống xử lý		Lượng nước thải được xử lý		Hiệu quả xử lý	Các chỉ tiêu không đạt TCCP (Kèm kết quả phân tích mẫu nước sau xử lý)
	Cơ sở có HTXL hay không	Công suất xử lý (m ³ /ngày)	Lượng nước thải được XL (m ³ /ngày)	Tỷ lệ nước thải được XL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú:

(3): Ghi công suất thiết kế của hệ thống xử lý

(4): Ghi rõ tổng lượng nước thải được xử lý

(5): Tỷ lệ lượng nước thải được xử lý/Tổng lượng nước thải (%)

(6): Hệ thống xử lý đạt/không đạt

(7): Ghi rõ các chỉ tiêu vượt TCCP là chỉ tiêu nào và vượt bao nhiêu lần.

3.3. Tình hình xử lý khí thải / mùi tàu

TT	Hệ thống xử lý		Lượng khí thải được xử lý		Hiệu quả xử lý	Các chỉ tiêu không đạt TCCP
	Cơ sở có HTXL hay không	Công suất xử lý (m ³ /ngày)	Lượng khí thải được XL (m ³ /ngày)	Tỷ lệ khí thải được XL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú:

(3): Ghi công suất thiết kế của hệ thống xử lý

(4): Ghi rõ tổng lượng khí thải được xử lý

(5): Tỷ lệ lượng khí thải được xử lý/Tổng lượng khí thải (%)

(6): Hệ thống xử lý đạt/không đạt

(7): Ghi rõ các chỉ tiêu vượt TCCP là chỉ tiêu nào và vượt bao nhiêu lần (tính cả cho lượng khí thải không được xử lý).

3.4. Tình hình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.4. Tình hình xử lý chất thải rắn công nghiệp trong nước

TT	Có xử lý hay không	Lượng CTRCN được xử lý (tấn/ngày)	Phương pháp xử lý				
			Đốt	Chôn lấp	Tái sử dụng, Tái chế	Ủ vi sinh	Thuê dịch vụ
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
(1)							

Ghi chú:

- (2): Nếu cơ sở có xử lý thì tích "Đ". Nếu không xử lý tích "K".
 (4)-(7): Tích vào cột tương ứng với phương pháp xử lý cơ sở đang áp dụng
 (8): Nếu cơ sở thuê dịch vụ xử lý, đề nghị cơ sở ghi rõ tên đơn vị dịch vụ

3.5. Tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt

3.5. Tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt							
TT	Có xử lý hay không	Lượng CTRSH được xử lý (tấn/ngày)	Phương pháp xử lý				Thuê dịch vụ
			Đốt	Chôn lấp	Tái sử dụng, Tái chế	Ủ vi sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- (2): Nếu cơ sở có xử lý thì tích "Đ". Nếu không xử lý tích "K".
 (4)-(7): Tích vào cột tương ứng với phương pháp xử lý cơ sở đang áp dụng
 (8): Nếu cơ sở thuê dịch vụ xử lý, đề nghị cơ sở ghi rõ tên đơn vị dịch vụ

3.6. Tình hình xử lý chất thải rắn nguy hại

TT	Loại chất thải rắn nguy hại	Có xử lý hay không	Lượng chất thải rắn nguy hại được xử lý	Phương pháp xử lý	
				Tự quản lý	Thuê dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- (2): Liệt kê các loại chất thải nguy hại của cơ sở (nếu có).
 (3): Tích "Đ" nếu cơ sở có xử lý. Nếu không xử lý tích "K"
 (6): Nếu cơ sở thuê dịch vụ xử lý, đề nghị cơ sở ghi rõ tên đơn vị dịch vụ

3.7. Hệ thống quản lý môi trường

TT	Tên phòng/ ban phụ trách môi trường	Số cán bộ phụ trách MT	Lập ĐTM	Lập ĐTM bổ sung	Lập cam kết BVMT	Lập đề án BVMT	Áp dụng ISO 14001	Lập kế hoạch BVMT	Thực quan môi trường định kỳ	Hiện trạng	Khắc phục ô nhiễm MT nghiêm trọng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	

Ghi chú:

(2): Ghi tên phòng/ban quản lý môi trường của cơ sở

(4) – (11): Tích “Đ” nếu cơ sở đã thực hiện các nội dung đó. Nếu chưa thực hiện tích “K”

III. Tổng kết

TT	Những việc đã thực hiện	Những vấn đề môi trường còn tồn tại	Kiến nghị của cơ sở
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú:

(2): Liệt kê các công việc cơ sở đã thực hiện được trong công tác BVMT trong năm

(3): Liệt kê các vấn đề môi trường còn tồn tại chưa khắc phục được

(4): Kiến nghị của cơ sở về những vấn đề đó

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

(tên địa danh), ngày tháng năm 20

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Biểu mẫu 04: Kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường hàng năm

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
(Tên đơn vị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM**

Thực hiện yêu cầu tại Văn bản số số/..... ngày thángnăm của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc báo cáo kế hoạch môi trường năm, (tên đơn vị) báo cáo kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ môi trường nămnhư sau:

I. Công việc đã thực hiện theo kế hoạch trong năm

II. Nội dung kế hoạch năm tiếp theo

STT	Nội dung công việc thực hiện	Thời gian dự kiến thực hiện	Giá trị thực hiện (đồng)
1	Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường		
2	Ra quân vệ sinh môi trường khu vực		
3	Xử lý nước thải.		
4	Xử lý khí thải.		
5	Xử lý chất thải thông thường.		
6	Xử lý chất thải nguy hại.		
7	Xử lý tiếng ồn, độ rung.		
8	Báo cáo giám sát môi trường định kỳ		
9	Các vấn đề khác liên quan phục vụ công tác môi trường tại đơn vị: Lập ĐTM, KHBVMT, Đề án BVMT, xử lý vi phạm hành chính ...		
	Tổng cộng		

* Nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường có thể tham khảo như bảng trên

III. Đề xuất, kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

